

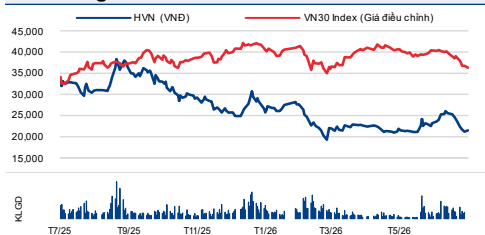
Tăng tỷ trọng

Giá mục tiêu: VNĐ27,000
Tiềm năng tăng/giảm: 25.6%

Giá cổ phiếu (đồng) (27/7/2026)	21,500
Mã Bloomberg	HVN VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	19,300-38,250
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	21,400
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	66,951
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	2,544
Slg CP lưu hành (tr.đv)	3,114
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	934
Slg CP NN được mua (tr.đv)	676
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	8.29%
Tỷ lệ freefloat	7.25%
Cổ đông lớn	SCIC (47.1%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (tỷ đồng)	121,207	145,430	149,624
EBITDA đc (tỷ đồng)	13,984	9,780	13,995
LNTT (tỷ đồng)	8,168	5,568	9,844
LNT ĐC (tỷ đồng)	7,204	4,781	8,758
FCF (tỷ đồng)	10,701	(3,141)	9,914
EPS ĐC (đồng)	2,705	1,537	2,815
DPS (đồng)	0	0	0
BVPS (đồng)	1,906	3,435	6,243
T.trưởng EBITDA (%)	18.3	(30.1)	43.1
T.trưởng EPS ĐC (%)	(19.8)	(43.2)	83.2
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	11.5	6.72	9.35
Tỷ suất LNTT (%)	6.74	3.83	6.58
Tỷ suất LNT ĐC (%)	5.94	3.29	5.85
Tỷ lệ LN trả CT (%)	0	0	0
Nợ thuần/VCSH (%)	59.5	62.0	(17.4)
ROAE (%)	(353)	57.5	58.2
ROACE (%)	103	29.7	35.1
EV/doanh thu (lần)	0.58	0.51	0.43
EV/EBITDA ĐC (lần)	5.07	7.56	4.57
P/E ĐC (lần)	7.95	14.0	7.64
P/B (lần)	11.3	6.26	3.44
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Vietnam Airlines là hãng hàng không quốc gia Việt Nam, được thành lập từ năm 1995

Chuyên viên phân tích

Chế Thị Mai Trang

Giám đốc, Ngành C.Nghiệp & Công Nghệ
trang.ctmai@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4848

Q2/2026: Lỗ từ HĐKD cốt lõi thấp hơn dự báo

- Doanh thu thuần Q2/2026 của HVN đạt 38,3 nghìn tỷ đồng (tăng 37% so với cùng kỳ) và lỗ thuần là 735 tỷ đồng, so với lợi nhuận thuần 2,8 nghìn tỷ đồng trong Q2/2025, do giá nhiên liệu bay tăng mạnh.
- Nếu loại trừ toàn bộ các khoản mục không thường xuyên, khoản lỗ từ HĐKD cốt lõi trong Q2/2026 là 1,2 nghìn tỷ đồng, thấp hơn dự báo lỗ 1,5 nghìn tỷ đồng của HSC nhờ công tác quản lý chi phí tốt hơn dự kiến và tái cơ cấu mạng đường bay để nâng cao hiệu quả.
- HSC đang xem xét lại các dự báo, khuyến nghị và giá mục tiêu. HVN đang giao dịch ở mức EV/EBITDAR trượt dự phóng 1 năm là 2,2 lần, so với bình quân 3 năm (từ tháng 1/2023) ở mức 2,6 lần.

Sự kiện: Công bố BCTC Q2/2026

Doanh thu thuần Q2/2026 của HVN tăng 37% so với cùng kỳ đạt 38,3 nghìn tỷ đồng, trong khi doanh nghiệp ghi nhận lỗ thuần 735 tỷ đồng do giá nhiên liệu bay tăng. Nếu loại trừ các khoản mục không thường xuyên, lỗ HĐKD cốt lõi trước thuế là 1,2 nghìn tỷ đồng, thấp hơn dự báo lỗ 1,5 nghìn tỷ đồng của HSC.

Trong nửa đầu năm 2026, doanh thu thuần và lợi nhuận thuần đạt lần lượt 75 nghìn tỷ đồng (tăng 28% so với cùng kỳ) và 3,7 nghìn tỷ đồng (giảm 41% so với cùng kỳ), bằng tương ứng 52% và 81% dự báo cả năm 2026 của chúng tôi.

Doanh thu thuần Q2/2026 tăng 37% so với cùng kỳ

Doanh thu thuần đạt 38 nghìn tỷ đồng (tăng 37% so với cùng kỳ) nhờ doanh thu công ty mẹ tăng 19% svck đạt 27 nghìn tỷ đồng và doanh thu các công ty con tăng mạnh 116% svck đạt 11 nghìn tỷ đồng:

- Công ty mẹ chiếm khoảng 93% tổng lưu lượng hành khách của Tập đoàn. Doanh thu công ty mẹ cải thiện nhờ lưu lượng hành khách tăng 8% so với cùng kỳ và lợi suất hành khách tăng 9% svck khi HVN tăng giá vé máy bay để bù đắp phần tăng của giá nhiên liệu bay.
- Đối với doanh thu các công ty con, HSC cho rằng tăng trưởng mạnh chủ yếu đến từ Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam (Skypec, do HVN sở hữu 100%), đơn vị cung cấp nhiên liệu bay và được hưởng lợi từ giá dầu tăng mạnh trong Q2/2026.

Tái cơ cấu mạng đường bay để nâng cao hiệu quả...

HVN đã rà soát mạng đường bay và cắt giảm các chuyến bay nội địa không hiệu quả để giảm chi phí:

- Theo đó, số chuyến bay giảm 5% so với cùng kỳ; trong đó, số chuyến bay nội địa giảm 9% svck trong khi số chuyến bay quốc tế tăng 4% svck.
- Kết quả là lượng hành khách của Tập đoàn giảm 6% svck so với cùng kỳ; lượng hành khách nội địa giảm 16% svck, phần nào được bù đắp nhờ lượng hành khách quốc tế tăng 16%.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 31/7.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q2/2026, HVN

Lợi nhuận bị ảnh hưởng do giá nhiên liệu tăng

Tỷ đồng	Q2/26	svck	svqt	6T26	svck
Doanh thu thuần	38,303	37%	4%	75,186	28%
Lợi nhuận thuần	(735)	N/m	N/m	3,653	-41%
LNTT cốt lõi	(1,183)	N/m	N/m	3,741	-41%

Nguồn: HSC

Mặc dù số chuyến bay giảm nhưng công suất ghế luân chuyển (ASK) tăng 3% so với cùng kỳ do tỷ trọng các đường bay quốc tế đường dài tăng. Trong khi đó, lưu lượng khách luân chuyển (RPK) tăng 8% svck nhờ cắt giảm các đường bay không hiệu quả có hệ số sử dụng ghế thấp. Theo đó, hệ số sử dụng ghế cải thiện đáng kể lên mức 84,6% trong Q2/2026, tăng 3,7 điểm phần trăm so với cùng kỳ và 0,1 điểm phần trăm so với quý trước.

...nhưng lợi nhuận vẫn chịu ảnh hưởng bởi giá đầu vào tăng

Giá nhiên liệu bay bình quân trong Q2/2026 là 183 USD/thùng, tăng 124% so với cùng kỳ và 113% so với quý trước. Theo đó, chi phí nguyên vật liệu Q2/2026 tăng mạnh 103% so với cùng kỳ và 63% so với quý trước lên 12,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 44% tổng chi phí HĐKD, so với mức 31% trong Q2/2025. Mặc dù hãng đã tăng giá vé máy bay và lợi suất hành khách tăng 9% so với cùng kỳ nhưng vẫn không đủ bù đắp mức tăng đáng kể của chi phí nguyên vật liệu.

Theo đó, hãng ghi nhận lỗ thuần 735 tỷ đồng trong Q2/2026, so với lợi nhuận thuần 2,8 nghìn tỷ đồng trong Q2/2025. KQKD Q2/2026 được hỗ trợ phần nào nhờ khoản thu nhập không thường xuyên khoảng 741 tỷ đồng, chủ yếu từ việc giảm các chi phí liên quan đến sửa chữa tàu bay và động cơ. Nếu loại trừ các khoản mục này, lỗ từ HĐKD cốt lõi trước thuế là 1,2 nghìn tỷ đồng, thấp hơn dự báo lỗ 1,5 nghìn tỷ đồng của HSC, nhờ công tác quản lý chi phí tốt hơn dự kiến sau khi tái cơ cấu mạng đường bay và thực hiện các biện pháp cắt giảm chi phí.

Xem xét lại dự báo, khuyến nghị và giá mục tiêu

Giá nhiên liệu bay biến động mạnh trong 2 tháng qua do xung đột tại Trung Đông và hiện ở mức 145-155 USD/thùng. Mặc dù thấp hơn nhiều so với mức bình quân 183 USD/thùng trong Q2/2026 nhưng mức này vẫn cao hơn giả định 111 USD/thùng cho nửa cuối năm 2026 và 122 USD/thùng cho cả năm 2026 của HSC.

Tuy nhiên, do giá dầu thô đã giảm khi căng thẳng tại Trung Đông hạ nhiệt, HSC dự kiến giá nhiên liệu bay sẽ giảm trong thời gian tới. Dù vậy, nếu xung đột không tiếp tục hạ nhiệt và giá dầu tăng trở lại, HSC nhận thấy sẽ có rủi ro KQKD thực hiện nửa cuối năm 2026 thấp hơn dự báo.

Sau KQKD Q2/2026 cao hơn dự báo và biến động gần đây của giá nhiên liệu bay, HSC đang xem xét lại các dự báo, khuyến nghị và giá mục tiêu. Sau khi giá cổ phiếu giảm 6% trong 1 tháng qua, HVN đang giao dịch ở mức EV/EBITDAR trượt dự phóng 1 năm là 2,2 lần, so với bình quân 3 năm ở mức 2,6 lần.

Bảng 2: Chỉ số hoạt động, HVN

Hệ số sử dụng ghế tăng nhẹ

	Q2/26	So với cùng kỳ	So với quý trước	6T26	So với cùng kỳ
Vietnam Airlines					
Số lượng hành khách (triệu khách)	5.8	-6%	-11%	12.3	3%
- Quốc tế	2.3	16%	-6%	4.8	19%
- Trong nước	3.5	-16%	-14%	7.5	-5%
ASK (tỷ ghế.km)	12.8	3%	-8%	26.7	10%
RPK (tỷ khách.km)	10.8	8%	-8%	22.6	13%
Hệ số sử dụng ghế	84.6%	+3.7ppts	+0.1ppts	84.5%	+2.3ppts
Tập đoàn					
Số lượng hành khách (triệu khách)	6.2	-4%	-10%	13.2	4%
- Quốc tế	2.3	16%	-6%	4.8	19%
- Trong nước	3.9	-13%	-13%	8.4	-3%
ASK (tỷ ghế.km)	13.1	3%	-8%	27.3	10%
RPK (tỷ khách.km)	11.0	8%	-8%	23.0	13%
Hệ số sử dụng ghế	84.5%	+3.7ppts	+0.1ppts	84.5%	+2.2ppts

Nguồn: HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	105,942	121,207	145,430	149,624	159,342
Lợi nhuận gộp	13,902	17,897	15,918	20,391	21,744
Chi phí BH&QL	(7,180)	(8,759)	(10,509)	(10,812)	(11,514)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	6,722	9,138	5,409	9,579	10,229
Lãi vay thuần	(3,685)	(2,066)	(700)	(636)	(355)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	70.3	842	91.4	95.9	101
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	5,217	254	767	805	846
LN TT	8,325	8,168	5,568	9,844	10,820
Chi phí thuế TNDN	(458)	(561)	(363)	(642)	(706)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(393)	(403)	(423)	(444)	(466)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	7,473	7,204	4,781	8,758	9,648
Lợi nhuận thuần ĐC	7,473	7,204	4,781	8,758	9,648
EBITDA ĐC	11,817	13,984	9,780	13,995	14,746
EPS (đồng)	3,375	2,705	1,537	2,815	3,101
EPS ĐC (đồng)	3,375	2,705	1,537	2,815	3,101
DPS (đồng)	0	0	0	0	0
Slg CP bình quân (triệu đv)	2,214	2,663	3,111	3,111	3,111
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	2,214	3,111	3,111	3,111	3,111
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	2,214	3,111	3,111	3,111	3,111

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	4,627	9,896	5,350	21,620	35,208
Đầu tư ngắn hạn	1,015	8,059	9,670	9,948	10,595
Phải thu khách hàng	7,322	9,427	10,623	10,930	11,640
Hàng tồn kho	3,369	3,796	4,036	4,152	4,422
Các tài sản ngắn hạn khác	1,004	873	1,047	1,078	1,148
Tổng tài sản ngắn hạn	17,338	32,051	30,726	47,728	63,011
TSCĐ hữu hình	12,887	12,114	12,356	12,604	12,856
TSCĐ vô hình	239	223	228	232	237
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	483	656	707	716	736
Đầu tư vào Cty LD,LK	1,421	2,303	2,303	2,303	2,303
Tài sản dài hạn khác	25,818	25,828	28,003	27,199	28,365
Tổng tài sản dài hạn	40,849	41,124	43,597	43,053	44,497
Tổng cộng tài sản	58,187	73,175	74,323	90,781	107,508
Nợ ngắn hạn	14,311	9,379	9,066	9,046	9,632
Phải trả người bán	30,504	33,937	29,813	30,673	32,665
Nợ ngắn hạn khác	11,761	12,029	14,433	14,849	15,814
Tổng nợ ngắn hạn	57,159	56,433	54,618	55,912	59,542
Nợ dài hạn	6,172	3,725	2,529	8,794	11,888
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	1.53	4.47	5.36	5.52	5.88
Nợ dài hạn khác	4,199	2,958	1,694	1,743	1,856
Tổng nợ dài hạn	10,372	6,688	4,228	10,543	13,750
Tổng nợ phải trả	67,531	66,445	62,835	70,558	77,661
Vốn chủ sở hữu	(10,017)	5,931	10,689	19,424	29,048
Lợi ích cổ đông thiểu số	672	799	799	799	799
Tổng vốn chủ sở hữu	(9,344)	6,730	11,488	20,222	29,847
Tổng nợ phải trả và VCSH	58,187	73,175	74,323	90,781	107,508
BVPS (đ)	(4,523)	1,906	3,435	6,243	9,336
Nợ thuần/(tiền mặt)	15,856	3,208	6,245	(3,779)	(13,688)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	6,722	9,138	5,409	9,579	10,229
Khấu hao	(5,095)	(4,846)	(4,371)	(4,416)	(4,516)
Lãi vay thuần	(3,685)	(2,066)	(700)	(636)	(355)
Thuế TNDN đã nộp	(325)	(416)	(363)	(642)	(706)
Thay đổi vốn lưu động	(4,585)	(3,227)	(6,941)	1,100	174
Khác	1,435	1,336	855	965	1,290
LCT thuần từ HKKD	9,441	12,278	(1,470)	11,576	11,500
Đầu tư TS dài hạn	(320)	(1,577)	(1,671)	(1,661)	(1,706)
Góp vốn & đầu tư	(1,489)	(8,832)	104	110	115
Thanh lý	568	7.06	0.00	0.00	0.01
Khác	1,492	2,217	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	250	(8,185)	(1,567)	(1,552)	(1,591)
Cổ tức trả cho CSH	(220)	(250)	0	0	0
Thu từ phát hành CP	0	8,971	0	0	0
Tăng/giảm nợ	(3,425)	(4,626)	(1,509)	6,246	3,679
Khác	(3,964)	(2,919)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(7,609)	1,175	(1,509)	6,246	3,679
Tiền & tương đương tiền đầu kì	2,551	4,627	9,896	5,350	21,620
LCT thuần trong kỳ	2,082	5,268	(4,546)	16,270	13,588
Ảnh hưởng của tỷ giá	(5.85)	1.32	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	4,627	9,896	5,350	21,620	35,208
Dòng tiền tự do	9,120	10,701	(3,141)	9,914	9,794

Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	13.1	14.8	10.9	13.6	13.6
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	11.2	11.5	6.72	9.35	9.25
Tỷ suất LNT (%)	7.05	5.94	3.29	5.85	6.06
Thuế TNDN hiện hành (%)	5.50	6.87	6.52	6.52	6.52
Tăng trưởng doanh thu (%)	15.7	14.4	20.0	2.88	6.50
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	248	18.3	(30.1)	43.1	5.36
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	226	(3.60)	(33.6)	83.2	10.2
Tăng trưởng EPS (%)	226	(19.8)	(43.2)	83.2	10.2
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	226	(19.8)	(43.2)	83.2	10.2
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm	nm	nm
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	0	0	0
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	(54.3)	(353)	57.5	58.2	39.8
ROACE (%)	(554)	103	29.7	35.1	24.7
Vòng quay tài sản (lần)	1.83	1.85	1.97	1.81	1.61
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	1.40	1.34	(0.27)	1.21	1.12
Số ngày tồn kho	13.4	13.4	11.4	11.7	11.7
Số ngày phải thu	29.0	33.3	29.9	30.9	30.9
Số ngày phải trả	121	120	84.0	86.6	86.6
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	(160)	59.5	62.0	(17.4)	(45.7)
Nợ/tài sản (%)	35.6	18.3	16.1	20.1	20.4
EBIT/lãi vay (lần)	1.82	4.42	7.73	15.1	28.8
Nợ/EBITDA (lần)	1.75	0.96	1.23	1.30	1.49
Chỉ số TT hiện thời (lần)	0.30	0.57	0.56	0.85	1.06
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.61	0.58	0.51	0.43	0.34
EV/EBITDA ĐC (lần)	5.43	5.07	7.56	4.57	3.66
P/E (lần)	6.37	7.95	14.0	7.64	6.93
P/E ĐC (lần)	6.37	7.95	14.0	7.64	6.93
P/B (lần)	(4.75)	11.3	6.26	3.44	2.30
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0	0	0

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn